

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/08/2015/IDJF-CV

V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài chính
bán niên soát xét năm 2015

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam
 2. Mã chứng khoán: IDJ
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
 4. Điện thoại: 04. 3555 8999 Fax: 04. 3555 8990
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Kiều Oanh
 6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.
 - 6.2 Giải trình chênh lệch lợi nhuận Bán niên soát xét 6 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014.
 - 6.3 Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.
 - 6.4 Giải trình báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2015 lỗi.
 7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.idji.vn
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX
- Lưu VP

**CÔNG TY IDJ INVESTMENT
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Phạm Thị Kiều Oanh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM
(IDJ INVESTMENT)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 19/06/2015 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ thành Công ty cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ VIETNAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: IDJ

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đức Thành	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 16/5/2015)
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 16/5/2015)
	Ông Trần Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 16/5/2015)
	Ông Phạm Xuân Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16/5/2015)
	Ông Đỗ Trung Thiện	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16/5/2015)
	Ông Yoshihiro	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16/5/2015)
	Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Thành viên	
	Ông Trần Vũ Phương	Thành viên	
	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16/5/2015)
	Ông Mai Trần Hưng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16/5/2015)
	Ông Đàm Đại Thắng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16/5/2015)
	Ông Trần Việt Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16/5/2015)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc Ông Nguyễn Trung Phương Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc. 



Nguyễn Trung Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Số: 505/2015/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, được lập ngày 24/8/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 04 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo Kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đình Văn Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+150)	100		28.053.045.976	20.347.785.971
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.390.632.923	4.045.839.850
1. Tiền	111		890.632.923	4.045.839.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.800.000.000	14.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	13.800.000.000	14.300.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.688.891.466	1.723.555.975
1. Phải thu khách hàng	131		11.834.928.230	5.303.944.763
2. Trả trước cho người bán	132		301.721.603	291.721.603
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	10.410.700.130	10.335.468.461
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.858.458.497)	(14.207.578.852)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		173.521.587	278.390.146
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.851.487	20.635.046
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	160.670.100	257.755.100
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		256.460.657.192	262.371.960.250
I Các khoản phải thu dài hạn	210		307.930.000	307.930.000
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.5	307.930.000	307.930.000
II Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	-	-
- Nguyên giá	222		1.654.241.122	1.654.241.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.654.241.122)	(1.654.241.122)
III. Bất động sản đầu tư	240	5.7	161.985.058.769	167.697.517.185
1. Nguyên giá	241		180.518.410.191	184.821.353.201
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(18.533.351.422)	(17.123.836.016)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	87.443.498.810	87.443.498.810
1. Đầu tư vào công ty con	251		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		54.717.485.100	54.717.485.100
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.273.986.290)	(2.273.986.290)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.724.169.613	6.923.014.255
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	6.724.169.613	6.923.014.255
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		284.513.703.168	282.719.746.221

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		8.729.651.907	7.450.234.912
I- Nợ ngắn hạn	310		8.232.992.255	7.265.811.138
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	556.188.816	3.233.935.511
2. Phải trả người bán	312		82.929.859	134.134.660
3. Người mua trả tiền trước	313		4.971.585.412	26.402.634
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.085.523.812	1.912.098.219
5. Phải trả người lao động	315		29.070.001	-
6. Chi phí phải trả	316	5.12	310.649.845	493.526.737
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	424.740.000	424.740.000
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		772.304.510	1.040.973.377
II- Nợ dài hạn	330		496.659.652	184.423.774
3. Phải trả dài hạn khác	333		299.348.232	184.423.774
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		197.311.420	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		275.784.051.261	275.269.511.309
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	275.784.051.261	275.269.511.309
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		326.000.000.000	326.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.523.000.000	1.523.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(51.738.948.739)	(52.253.488.691)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		284.513.703.168	282.719.746.221

Người lập



Phan Thị Tú Oanh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Cẩm Tú

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM
(IDJ INVESTMENT)**

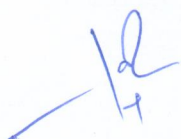
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	10.550.873.539	23.563.045.176
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	3.550.800.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		7.000.073.539	23.563.045.176
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	6.272.081.671	23.863.612.850
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		727.991.868	(300.567.674)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	1.211.015.041	1.599.822.877
7. Chi phí tài chính	22	5.19	84.411.347	6.995.650.660
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		84.411.347	485.219.410
8. Chi phí bán hàng	24		12.685.232	65.837.156
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	1.432.875.660	2.869.853.667
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		409.034.670	(8.632.086.280)
11. Thu nhập khác	31		182.966.679	516.054.328
12. Chi phí khác	32		77.461.397	62.770.279
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.21	105.505.282	453.284.049
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		514.539.952	(8.178.802.231)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		514.539.952	(8.178.802.231)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	15,78	(250,88)

Người lập



Phan Thị Tú Oanh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Cẩm Tú

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Mẫu B 03a-DN

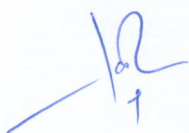
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
		VND	VND
	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	514.539.952	(8.178.802.231)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.712.458.416	2.282.438.909
- Các khoản dự phòng	03	(349.120.355)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.183.553.644)	4.460.455.593
- Chi phí lãi vay	06	84.411.347	485.219.410
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.778.735.716	(950.688.319)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.155.430.136)	937.892.647
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.947.083.780	(607.096.767)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	129.166.804	2.510.996.540
- Tiền lãi vay đã trả	13	(74.331.437)	(485.219.410)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.625.224.727	1.405.884.691
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	50.000.000	509.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(9.456.631.572)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	8.874.152.778
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	347.315.041	1.599.822.877
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.602.684.959)	1.526.434.992
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	1.340.920.158
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.677.746.695)	(4.476.293.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.677.746.695)	(3.135.373.034)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	1.344.793.073	(203.053.351)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.045.839.850	1.381.963.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.390.632.923	1.178.910.093

Người lập



Phan Thị Tú Oanh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Cẩm Tú

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Phương

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 19/06/2015 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ thành Công ty cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ VIETNAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: IDJ INVESTMENT.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 là 326.000.000.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: IDJ

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ quản lý và điều hành sàn giao dịch bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, thương mại điện tử, dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tư vấn mua bán doanh nghiệp);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính, dịch vụ định giá tài sản (không bao gồm những tài sản thuộc quyền của Nhà nước));
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường));
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), buôn bán vật tư máy móc, thiết bị phục vụ ngày xây dựng, giao thông, thủy điện, buôn bán vật liệu xây dựng);
- Quảng cáo (Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, văn phòng, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, các công trình phục vụ giáo dục, y tế (trường học, bệnh viện));

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: kinh doanh điện)
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), khai thác vật liệu xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động chuyên gia công nghệ);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục chuyên nghiệp (Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp);
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dạy ngoại ngữ, dạy máy vi tính);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa; xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình bên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê);
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Chi tiết: Tư vấn giáo dục);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Chi tiết: Tư vấn và giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động));

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ : Cho thuê ngắn hạn và dài hạn Văn phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Năm tài chính/Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/6 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài giữa niên độ chính yếu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công nợ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

6 tháng đầu năm 2015

Thời gian khấu hao

(Số năm)

Phương tiện vận tải

06

Thiết bị văn phòng

03

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sở hữu nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê ngắn hạn hoặc dài hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 46 năm 9 tháng kể từ ngày 01/09/2010.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí thiết kế, hoàn thiện nội thất trung tâm thương mại; Chi phí thuê hệ thống thoát khí, cung cấp ga, tường kính và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc thanh toán các chi phí quản lý Trung tâm thương mại và Văn phòng. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, kinh doanh bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	19.409.275	2.931.193
Tiền gửi ngân hàng	871.223.648	4.042.908.657
Các khoản tương đương tiền (*)	4.500.000.000	-
Tổng	5.390.632.923	4.045.839.850

(*): Hợp đồng tiền gửi tự động gia hạn có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng lãi suất 4,7%/năm.

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngân hàng BIDV Việt Nam (*)	13.500.000.000	14.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác (**)	300.000.000	300.000.000
	13.800.000.000	14.300.000.000

(*): Bao gồm khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng số 02.2014/HĐTG ngày 25/12/2014 giá trị 7 tỷ, kỳ hạn 03 tháng, tự động gia hạn từ ngày 25/06/2015 lãi suất 5%/năm; số 03.2014/HĐTG ngày 25/12/2014 giá trị 5 tỷ, kỳ hạn 03 tháng, tự động gia hạn từ ngày 25/06/2015 lãi suất 5%/năm; số 04.2014/HĐTG ngày 06/01/2015 giá trị 1,5 tỷ, kỳ hạn 03 tháng tự động gia hạn từ ngày 06/04/2015 đến 06/07/2015, lãi suất 4,6%/năm.

(**) Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ngày 20/08/2012 khu vui chơi giải trí Funworld.

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty CP Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	226.421.576	139.712.409
Bảo hiểm xã hội nhận thừa	-	2.998.273
Phí dịch vụ của các nhà đầu tư	9.914.418.653	9.963.539.008
Phải thu khác	269.859.901	229.218.771
Tổng	10.410.700.130	10.335.468.461

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tạm ứng	160.670.100	257.755.100
Tổng	160.670.100	257.755.100

5.5 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	7.930.000	7.930.000
Cho vay không có lãi (*)	300.000.000	300.000.000
Tổng	307.930.000	307.930.000

(*) Cho khách thuê Trung tâm thương mại (Công ty Việt Hương) vay 300 triệu không tính lãi dưới hình thức hỗ trợ.

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2015	1.148.538.373	505.702.749	1.654.241.122
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2015	1.148.538.373	505.702.749	1.654.241.122
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2015	1.148.538.373	505.702.749	1.654.241.122
Tăng trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư tại 30/06/2015	1.148.538.373	505.702.749	1.654.241.122
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2015	-	-	-
Tại 30/06/2015	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.654.241.122 đồng.

5.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị văn phòng trong Tòa nhà Văn phòng Charmvit và một số lô ki ốt tại Trung tâm Thương mại Grand Plaza dùng để cho thuê.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ với thời gian khấu hao là 46 năm 9 tháng kể từ ngày 01/09/2010.

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 01/01/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/06/2015
Nguyên giá	184.821.353.201	4.898.887.814	9.201.830.824	180.518.410.191
Văn phòng cho thuê	80.891.527.656	4.898.887.814	9.201.830.824	76.588.584.646
Trung tâm thương mại	75.656.955.545	-	-	75.656.955.545
Hầm để xe	28.272.870.000	-	-	28.272.870.000
Giá trị hao mòn lũy kế	17.123.836.016	2.273.083.135	863.567.729	18.533.351.422
Văn phòng cho thuê	7.565.454.290	1.161.534.199	863.567.729	7.863.420.760
Trung tâm thương mại	6.922.858.680	809.165.300	-	7.732.023.980
Hầm để xe	2.635.523.046	302.383.636	-	2.937.906.682
Giá trị còn lại	167.697.517.185	-	-	161.985.058.769
Văn phòng cho thuê	73.326.073.366	-	-	68.725.163.886
Trung tâm thương mại	68.734.096.865	-	-	67.924.931.565
Hầm để xe	25.637.346.954	-	-	25.334.963.318

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào các công ty con		35.000.000.000		35.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	2.268.000	35.000.000.000	2.268.000	35.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh		54.717.485.100		54.717.485.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ - AEC	2.791.000	42.446.485.100	2.791.000	42.446.485.100
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	990.000	9.900.000.000	990.000	9.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	237.100	2.371.000.000	237.100	2.371.000.000
Tổng	6.286.100	89.717.485.100	4.018.100	89.717.485.100

Cổ phiếu cầm cố để vay ngắn hạn là 2.036.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ-AEC .

Thông tin chi tiết về Công ty con, liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

Tên Công ty con, liên kết	Nơi thành lập	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	Hòa Bình	22.700	99,91%	Khách sạn, du lịch
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển giáo dục IDJ - AEC	Hà Nội	125.000	22,328%	Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục và cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng cao.
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	Hà Nội	22.000	45%	Dịch vụ quản lý BĐS, quản lý tài sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	Hà Nội	7.060	33,58%	Cung cấp dịch vụ giáo dục

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tại ngày đầu kỳ	6.923.014.255	12.074.961.277
Tăng	-	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	198.844.642	2.504.681.575
Tại ngày cuối kỳ	6.724.169.613	9.570.279.702
Chi tiết	30/06/2015 VND	30/06/2014 VND
Chi phí thiết kế, hoàn thiện nội thất TTTM	4.443.701.495	4.652.010.586
Chi phí làm biển hiệu cho TTTM	-	1.459.708.354
Chi phí thuê HT thoát khí, cung cấp ga, tường kính	1.642.815.685	1.681.352.289
Chi phí sửa chữa lớn và làm nội thất Văn phòng	-	304.864.109
Chi phí bảo hiểm TTTM	-	138.774.841
Chi phí công cụ dụng cụ	174.854.078	70.908.445
Chi phí thuê ngắn hạn văn phòng	462.798.355	1.262.661.078
Tổng	6.724.169.613	9.570.279.702

5.10 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Vay ngắn hạn	556.188.816	2.233.935.511
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	556.188.816	2.233.935.511
Vay ngắn hạn khác	-	1.000.000.000
Vay cá nhân	-	1.000.000.000
Tổng	556.188.816	3.233.935.511

Trong đó: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà được đảm bảo bằng 2.036.000 cổ phiếu loại mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu mà IDJF góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ-AEC. Lãi suất được cố định theo từng lần vay vốn.

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.049.951.756	1.879.421.770
Thuế thu nhập cá nhân	35.572.056	32.676.449
Tổng	1.085.523.812	1.912.098.219

5.12 Chi phí phải trả

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	310.649.845	493.526.737
<i>Chi phí khác</i>	310.649.845	488.513.730
<i>Chi phí lãi vay</i>	-	5.013.007
Tổng	310.649.845	493.526.737

5.13 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	424.740.000	424.740.000
Tổng	424.740.000	424.740.000

5.14 **Vốn chủ sở hữu**a. **Đổi chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	326.000.000.000	1.523.000.000	-	(18.039.013.287)	309.483.986.713
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Lãi	-	-	-	-	-
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	34.214.475.404	34.214.475.404
Lỗ	-	-	-	34.214.475.404	34.214.475.404
Số dư tại 31/12/2014	326.000.000.000	1.523.000.000	-	(52.253.488.691)	275.269.511.309
Số dư tại 01/01/2015	326.000.000.000	1.523.000.000	-	(52.253.488.691)	275.269.511.309
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	(514.539.952)	(514.539.952)
Lỗ	-	-	-	(514.539.952)	(514.539.952)
Số dư tại 30/06/2015	326.000.000.000	1.523.000.000	-	(51.738.948.739)	275.784.051.261

5.14 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

b. **Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	326.000.000.000	326.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	326.000.000.000	326.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. **Cổ phiếu**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 Cổ phiếu	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.600.000	32.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.600.000	32.600.000
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000	32.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.600.000	32.600.000
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000	32.600.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)</i>	10.000	10.000

5.15 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng	10.521.459.158	23.563.045.176
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.414.381	-
Tổng	10.550.873.539	23.563.045.176

5.16 **Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	3.550.800.000	-
Tổng	3.550.800.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.17 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng	6.272.081.671	23.863.612.850
Tổng	6.272.081.671	23.863.612.850

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	373.715.041	12.522.877
Cổ tức, lợi nhuận được chia	837.300.000	1.587.300.000
Tổng	1.211.015.041	1.599.822.877

5.19 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền vay	84.411.347	485.219.410
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	6.510.431.250
Tổng	84.411.347	6.995.650.660

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.313.817.633	1.820.650.086
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	55.465.142	176.123.613
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.404.307	94.737.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	42.771.723
Chi phí về thuế, phí và lệ phí	24.272.017	58.833.693
Chi phí dự phòng	(349.120.355)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	297.577.881	451.808.896
Chi phí khác bằng tiền	83.459.035	224.927.882
Tổng	1.432.875.660	2.869.853.667

5.21 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định, thiết bị văn phòng	50.000.000	509.090.909
Cho thuê ô tô	15.272.727	-
Tiền đặt cọc hủy hợp đồng	99.287.652	-
Thu nhập khác	18.406.300	6.963.419
Tổng	182.966.679	516.054.328
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản, công cụ thanh lý	77.461.397	62.770.279
Tổng	77.461.397	62.770.279
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	105.505.282	453.284.049

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	514.539.952	(8.178.802.231)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
+ Các khoản điều chỉnh giảm	837.300.000	1.587.300.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận nhận được</i>	837.300.000	1.587.300.000
<i>Bù lỗ</i>	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	514.539.952	(8.178.802.231)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	514.539.952	(8.178.802.231)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	32.600.000	32.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	15,78	(250,88)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.24 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.313.817.633	1.820.650.086
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.465.142	176.123.613
Chi phí công cụ dụng cụ	7.404.307	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	42.771.723
Thuế, phí, lệ phí	24.272.017	58.833.693
Chi phí dự phòng	(349.120.355)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	310.263.113	1.104.841.119
Chi phí khác bằng tiền	83.459.035	224.927.882
Tổng	1.445.560.892	3.428.148.116

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ Asset	Thuê tài sản, bán dụng cụ thanh lý	3.056.906.841	1.558.434.716

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty CP Quản lý Tài sản IDJ Asset	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	5.278.744.785	23.210.615.820
Công ty CP Quản lý Tài sản IDJ Asset	Công ty liên kết	Bán công cụ thanh lý	50.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành	Lương và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	670.391.667	479.443.000

6.2 Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê các gian hàng tại TTTM Grand Plaza và tại văn phòng Charmvit tại Hà Nội, cả hai hoạt động đều là kinh doanh bất động sản nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.390.632.923	4.045.839.850
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.553.558.360	15.947.343.224
Đầu tư ngắn hạn	13.800.000.000	14.300.000.000
Đầu tư dài hạn	89.717.485.100	89.717.485.100
Tổng	131.461.676.383	124.010.668.174
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	556.188.816	3.233.935.511
Phải trả người bán và phải trả khác	507.669.859	558.874.660
Chi phí phải trả	310.649.845	493.526.737
Tổng	1.374.508.520	4.286.336.908

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Đặc biệt các khoản công nợ phải thu các nhà đầu tư về các chi phí dịch vụ mà Công ty đã thực hiện chi trả trước cho nhà đầu tư.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thán tính toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
30/06/2015	VND	VND	VND
Các khoản vay	556.188.816	-	556.188.816
Phải trả người bán và phải trả khác	507.669.859	-	507.669.859
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
01/01/2015	VND	VND	VND
Các khoản vay	3.233.935.511	-	3.233.935.511
Phải trả người bán và phải trả khác	558.874.660	-	558.874.660
Chi phí phải trả	493.526.737	-	493.526.737

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.390.632.923	-	5.390.632.923
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.245.628.360	307.930.000	22.553.558.360
Đầu tư ngắn hạn	13.800.000.000	-	13.800.000.000
Đầu tư dài hạn	-	89.717.485.100	89.717.485.100
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.045.839.850	-	4.045.839.850
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.636.414.951	310.928.273	15.947.343.224
Đầu tư ngắn hạn	14.300.000.000	-	14.300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	89.717.485.100	89.717.485.100

6.4 Số liệu so sánh

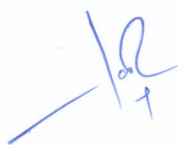
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 đã được soát xét.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc





Phan Thị Tú Oanh

Đỗ Thị Cẩm Tú

Nguyễn Trung Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do- hạnh phúc

Số 10/2015/CT-TCKT

Hà Nội ngày 24 tháng 08 năm 2015

(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận
Bán niên soát xét 6 tháng đầu năm 2015 so với
6 tháng đầu năm 2014)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (mã chứng khoán IDJ) xin giải trình lợi nhuận trước thuế 06 tháng đầu năm 2015 tăng 8.693.342.183 đồng so với lợi nhuận trước thuế Quý II/2014 cụ thể như sau:

Lợi nhuận trước thuế 06 tháng đầu năm 2015 là: +514.539.952 đồng; Lợi nhuận trước thuế 06 tháng đầu năm 2014 là: -8.178.802.231 đồng; Chênh lệch lợi nhuận trước thuế 06 tháng năm 2015 tăng so với 06 tháng đầu năm 2014 là: 8.693.342.183 đồng.

Nguyên nhân:

- Tuy thực tế Trung tâm thương mại Grand Plaza vẫn đóng cửa để tìm phương án tái cấu trúc, tái khởi động phù hợp với tình hình và nhu cầu hiện tại trong khi vẫn phải chịu các chi phí hao mòn, chi phí bảo vệ, vệ sinh...nhưng với việc tăng cường quản trị chi phí song song với việc đưa ra các chính sách cho thuê dài hạn phù hợp với thị trường nói chung nên công ty đã giảm từng bước giảm lỗ, có lãi, tạo được nguồn tiền và các khoản tương đương tiền ổn định và sẵn sàng cho kế hoạch kinh doanh 06 tháng cuối năm năm 2015.
- Do vậy, tổng lợi nhuận trước thuế của 06 tháng đầu năm 2015 là: +514.539.952 đồng.

Trân trọng giải trình./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT.

